

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HS-PT  
Ngày 27 - 5 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Nghĩa**

*Các Thẩm phán*

: Ông **Nguyễn Tuấn Long**

: Ông **Trần Văn Đông**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Văn Nhơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 209/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

1. **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1972, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn D và bà Hà Thị D; Có chồng và bốn con; Tiền án: bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày 26/9/2016; Nhân thân: bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo; Bị cáo tại ngoại: Có mặt.

2. **Võ Thị Tường V**, sinh năm 1981, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Võ Thị M; Có chồng và ba con; Tiền án: Bị xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày 26/9/2016; Bị cáo tại ngoại: Có mặt.

3. **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1976, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị Ch; có chồng hai con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại: Có mặt.

4. **Võ Thị Đ**, sinh năm 1973, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Võ Thị Tr; Có chồng và ba con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại: Có mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 17 tháng 4 năm 2018, Nguyễn Thị M (đang có thai) điều khiển xe mô tô biển số 79K9-4275 đến khu vực gần lán trại của Công ty T thuộc tổ dân phố N, phường C, thành phố R, thấy có nhiều trụ inox mới chưa sử dụng để rải rác xung quanh khu vực lán trại, M nảy sinh ý định chiếm đoạt và điện cho Võ Thị Đ, Đ gọi điện cho Nguyễn Thị Bích N, N rủ Võ Thị Tường V cùng đến để trộm cắp. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô Sirius, N và V chở nhau bằng xe Lifan đến và cùng M lấy 18 trụ inox trị giá 64.845.000đ (gồm 13 trụ đẹp trị giá 46.345.000đ và 05 trụ hình chữ L trị giá 18.500.000đ) đưa đến cửa hàng V ở tổ dân phố M, phường CN, thành phố R bán cho ông Trần Ngọc T được 4.000.000đ.

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 10 tháng 5 năm 2018, V điều khiển xe Lifan chở N đi nhặt phế liệu ở khu vực các công trình đang thi công ở tổ dân phố N, phường C, thành phố R. Thấy có nhiều tấm coppha nằm trong khu vực Công ty A đang thi công, N rủ V vào lấy. N và V lấy mỗi người 02 tấm coppha thì bị bảo vệ phát hiện nên để tài sản lại rồi bỏ chạy. Khoảng 15 phút sau, V và N quay lại lấy 04 tấm coppha trị giá 3.384.000đ đi được một đoạn thì bị phát hiện.

Tại bản án sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh đã căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Võ Thị Tường V; Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Thị Đ; Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thị M, xử phạt Nguyễn Thị Bích N và Võ Thị Tường V mỗi bị cáo 03 năm tù; Võ Thị Đ và Nguyễn Thị M mỗi bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cho là bản án sơ thẩm kết tội các bị cáo là đúng với hành vi do các bị cáo thực hiện nhưng xin giảm hình phạt vì hoàn cảnh khó khăn.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thu thập được; Đã đủ cơ sở xác định, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt các trụ inox trị giá 64.845.000đ của Công ty T; Bị cáo Nguyễn Thị Bích N và Võ Thị Tường V còn lén lút chiếm đoạt các tấm coppha trị giá 3.384.000đ của Công ty A. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các tổ chức, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền có được do bán tài sản trộm cắp để khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh đã xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ) và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Võ Thị Tường V hai lần thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, các bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và chưa được xóa án tích nên bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và xử phạt các bị cáo mức án cao hơn so với các bị cáo Nguyễn Thị M, Võ Thị Đ là có căn cứ.

[3] Nguyễn Thị M là người đề xướng và rủ bị cáo Đ cùng phạm tội; Tuy nhiên, khi phạm tội Nguyễn Thị M đang có thai nên bản án sơ thẩm áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thị M và quyết định xử phạt bị cáo M, bị cáo Đ mức hình phạt bằng nhau là phù hợp.

[4] Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, vai trò của các bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên với các bị cáo là phù hợp nên kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận, các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Thị Bích N 03 (ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

Võ Thị Tường V 03 (ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm b, n, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Thị M 02 (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Võ Thị Đ 02 (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Võ Thị Tường V, Nguyễn Thị M, Võ Thị Đ – mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Vụ GD 1;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an TP. Cam Ranh;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- TAND TP. Cam Ranh;
- Chi cục THA DS TP. Cam Ranh;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Bùi Thị Nghĩa**

**Nơi nhận:**

- VKSND, Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa
- VKSND, TAND, Công an TP. Cam Ranh
- Chi cục THADS TP. Cam Ranh
- Bị cáo
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

-Hồ sơ

**Bùi Thị Nghĩa**

